

Name: _____

Score: _____

20 Câu hỏi ghép thẻ

(n) khuôn viên trường, trường đại học

A. unschooled 1-20/20

đảm nhận

B. onlookers

có tính chất đồng quê, mục vụ

C. pastoral

n. /'disiplin/ kỷ luật

D. undertake

một sách

E. split up

người xem

F. outbreak

(a) tài giỏi, thành thạo

G. authority

có mặt/ làm nhiệm vụ

H. discipline

ko đc học, ko có kinh nghiệm

I. deprive

mưa như trút nước

J. proficient

quyền lực, nhà chức trách

K. console**L.** bookworm**M.** campus**N.** downpour**O.** on hand**P.** reprimand**Q.** downfall**R.** uplifting

nâng cao tinh thần, thăng hoa

S. breakdown

dễ nổ, bùng nổ

T. explosive

sự hỏng hóc

sự sa sút

khiến trách

sự bùng phát

chia ra

an ủi

tước đoạt, lấy đi